TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lãnh Văn Việt.

2. Ông: Vũ Ngọc Côn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Mông Thị H** - sinh năm 1989.
- Trú quán: Thôn V - PN - huyện LN - tỉnh BG.
* Bị đơn: Anh **Hoàng Văn P** - Sinh năm 1984.
- Trú quán: Thôn V - PN - huyện LN - tỉnh BG.

Chị H có mặt, anh P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2018 và những lời khai của nguyên đơn chị Mông Thị H, lời khai của anh Hoàng Văn P và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Mông Thị H và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau vào tháng 6 năm 2006. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa P. Nhưng chị H anh

P không đi đăng ký kết hôn và chung sống từ đó đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới chị H anh P về chung sống cùng nhau ngay ở tại thôn Ván A, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau không có sự chia sẻ quan tâm với nhau trong cuộc sống. Từ năm 2016 chị H anh P sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị H anh P không ai quan tâm tới ai, không hề liên lạc với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh P không còn chị H làm đơn xin ly hôn với anh P. Anh P cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, chị H xin ly hôn anh P đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H anh P có hai con chung là cháu Hoàng Mạnh T, sinh ngày 05/10/2009 và cháu Hoàng Ngọc T , sinh ngày 24/11/2007. Khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cháu Hoàng Ngọc T, anh P có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Mạnh T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Cháu Hoàng Ngọc T trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn ở với mẹ là chị H và cháu Hoàng Mạnh T có nguyện vọng ở với bố là anh P.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh P xác nhận vợ chồng anh chị có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P và giải quyết việc nuôi con chung. Anh P vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên trong lời khai của mình anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh đồng ý để chị H nhận nuôi dưỡng cháu Hoàng Ngọc T và anh nhận nuôi cháu Hoàng Mạnh T , việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản công nợ chị H anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị H.

Tuyên bố không công nhận chị Mông Thị H và anh Hoàng Văn P là vợ chồng.

Giao cho chị Mông Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Ngọc T , sinh ngày 24/11/2007. Anh P nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Hoàng Mạnh T, sinh ngày 05/10/2009.Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí chị Mông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Mông Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Hoàng Văn P. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh P vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên anh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mông Thị H và anh Hoàng Văn P tự nguyện chung sống nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, vợ

chồng đã sống ly thân một thời gian dài, hiện nay không còn chung sống với nhau. Chị H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh P. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 luật hôn nhân gia đình cần tuyên bố Chị Mông Thị H và anh Hoàng Văn P không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Chị Mông Thị H và anh Hoàng Văn P có hai con chung là cháu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 24/11/2007 và cháu Hoàng Mạnh T, sinh ngày 05/10/2009. Chị H anh P đều thống nhất anh P nuôi dưỡng cháu T, chị H nuôi dưỡng cháu T, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T có nguyện vọng ở với chị H, cháu T có nguyện vọng ở với anh P. Do vậy cần giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng và cháu T cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu T và chị H.

[4] Về tài sản chung:

Chị H anh P đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Mông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị H. Tuyên bố không công nhận chị Mông Thị H và anh Hoàng Văn P là vợ chồng.

2. Giao cho chị Mông Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 24/11/2007 và anh Hoàng Văn P nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Mạnh T, sinh ngày 05/10/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Chị H anh P được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mông Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005018 ngày 06/8/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Hùng